

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HSST
Ngày: 16-3-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Văn Phú Vinh**

Các hội thẩm nhân dân: **Ông Đào Xuân Nhi; ông Trần Sỹ Trinh**

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Bình – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:

Ông Nông Quang Chung– Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 192/2019/HSST ngày 30 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất:

Họ và tên: **Huỳnh Công A**, Tên gọi khác: Tý, sinh năm 1993; Tại: Bình Phước; Hộ khẩu thường trú cũng như chỗ ở: tổ 5, khu phố PN, phường PĐ, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Sỹ B, sinh năm 1970 và bà Đỗ Thị C, sinh năm 1971; Bị cáo có vợ là Hà Thị D, sinh năm 1993 và có 02 con. Con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án: Ngày 08 tháng 11 năm 2011, bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Long áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm g, h, p Khoản 1, 2 Điều 46, Điều 69, Điều 74 của Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt 06 tháng tù (theo Bản án số 47/2011/HSST). Đã chấp hành xong hình phạt tù tháng 12 tháng 2011 nhưng chưa chấp hành việc đóng án phí hình sự sơ thẩm với số tiền 200.000 đồng; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04 tháng 9 năm 2019 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ**, Tên gọi khác: Đ Trọc, sinh năm 1994; Tại: Bình Dương; Hộ khẩu thường trú cũng như chỗ ở: tổ 2, khu phố TB, phường TB, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc:

Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1964 và bà Hồ Thị F, sinh năm 1967; Bị cáo có vợ là Trần Thị Hoài G, sinh năm 1994 và có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04 tháng 9 năm 2019 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ ba:

Họ và tên: **Phạm Ngọc H**, Tên gọi khác: Tý Bạch, sinh năm 1991; Tại: Bình Phước; Hộ khẩu thường trú cũng như chỗ ở: tổ 4, khu phố TB, phường TB, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Ngọc I, sinh năm 1964 và bà Lê Thị K, sinh năm 1967; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Yến L, sinh năm 1998 và có 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04 tháng 9 năm 2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: anh Trương Văn M, sinh năm 1987 (*vắng mặt có lý do*)
HKTT: khu phố PX, phường TP, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- 1. Anh Trần Minh N**, sinh năm 1986 (*vắng mặt không có lý do*)
 - 2. Chị Anh Thị Mỹ O**, sinh năm 1994 (*vắng mặt không có lý do*)
- HKTT: ấp PT, xã TP, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 24 tháng 8 năm 2019, Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Công A, Phạm Ngọc H cùng Bô, Hải (*chưa rõ nhân thân*) nhậu tại nhà của một người tên Khanh (*chưa rõ nhân thân*) tại xã TP, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Trong lúc nhậu tại đây, H mượn xe mô tô hiệu Sirius của Bô để Đ và A đi đến nhà của một người tên Phương để lấy tiền giúp cho H. Sau đó, Đ điều khiển xe chở A. Trên đường đi, Đ rủ A đi tìm tài sản để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài thì A đồng ý. Cả hai đi lòng vòng khu vực thành phố Đồng Xoài, khi đến khu phố PX, phường TP thì phát hiện tại phòng khách của nhà anh Trương Văn M có 01 chiếc Ipad đang cắm sạc pin, gần đó có một số em nhỏ đang ngồi chơi và quay mặt vào bên trong nên Đ dừng xe đứng ngoài đường canh giới, còn A lén lút đi vào bên trong lấy trộm được chiếc Ipad mang ra xe để Đ chở đi. Sau đó, cả hai mang chiếc Ipad vừa trộm cắp được quay về nhà của Khanh. Tại đây H hỏi A và Đ có lấy được tiền hay chưa thì A trả lời “*Chưa, nhưng mới lấy được cái máy nên về luôn, có đường nào cầm được không*”. Đồng thời, lúc này Đ đưa chiếc Ipad đang giấu trong áo cho H xem. Sau khi xem, H điện thoại Trần Minh N (*Đeo*) ở ấp PT, xã TP, huyện Đồng Phú để hỏi việc cầm máy Ipad thì N nói mang máy vào xem rồi tính. Sau đó H, Đ và A đón taxi mang chiếc Ipad vào nhà của N, lúc này Hải xin đi theo để về nhà, đến khu vực ngã tư Sóc Miên thì Hải xuống xe còn H, Đ và A tiếp tục đi vào nhà của N. Do N không

có ở nhà nên H để chiếc Ipad lại và mượn 400.000 đồng của chị Anh Thị Mỹ O (*là vợ của N*) để trả tiền taxi rồi cùng Đ, A đi về. Đến ngày 25 tháng 8 năm 2019, anh M phát hiện bị mất trộm máy Ipad nên đã trình báo đến Công an phường TP, thành phố Đồng Xoài. Cùng ngày, chị O biết được chiếc máy Ipad mà H đã để lại là tài sản do trộm cắp mà có nên đã tự nguyện giao nộp tại Công an thành phố Đồng Xoài.

Đến ngày 03 tháng 9 năm 2019, Huỳnh Công A và Nguyễn Văn Đ đến Công an thành phố Đồng Xoài đầu thú. Ngày 04 tháng 9 năm 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Xoài bắt khẩn cấp đối với Nguyễn Văn H.

Tại kết luận định giá tài sản số 131/KLĐG ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự, kết luận:

01 máy tính bảng (*Ipad*) hiệu Apple 2018 Wifi 32 GB Gold, số seri: SDMQUY32VOJMVR, đã qua sử dụng, còn hoạt động bình thường, trị giá: 5.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo có thái độ thành khẩn Ai báo hành vi phạm tội của mình; Bị cáo A, Đ sau khi phạm tội đã đầu thú. Riêng bị cáo A phạm tội với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật:

- 01 máy tính bảng (*Ipad*) hiệu Apple 2018 Wifi 32 GB Gold, số seri: SDMQUY32VOJMVR.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1208 màu đen của bị cáo Nguyễn Văn Đ; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1030 màu đen của bị cáo Huỳnh Công A.

Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 máy tính bảng (*Ipad*) hiệu Apple cho chủ sở hữu hợp pháp là anh M. Đồng thời anh M cũng không yêu cầu gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số: 08/CT-VKS ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài đã truy tố các bị cáo Huỳnh Công A, Nguyễn Văn Đ về tội “*trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173; Bị cáo Phạm Ngọc H về tội “*tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Huỳnh Công A từ 07-09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 07-09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H từ 07-09 tháng tù.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ nội dung phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng 08/CT-VKS ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài đã truy tố các bị cáo.

[3] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa thấy phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, biên bản tiếp nhận người ra đầu thú, biên bản bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp; kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa thấy phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 24 tháng 8 năm 2019, các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Huỳnh Công A có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc máy tính bảng (*Ipad*) hiệu Apple 2018 Wifi 32 GB Gold trị giá 5.000.000 đồng của anh Trương Văn M tại khu phố PX, phường TP, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Sau đó, các bị cáo A, Đ nhờ bị cáo Phạm Ngọc H mang đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài. Mặc dù biết rõ đây là tài sản do các bị cáo A, Đ trộm cắp mà có nhưng bị cáo H vẫn đồng ý mang chiếc *Ipad* đến cầm cố cho anh Trần Minh N tại ấp PT, xã TP, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Do vậy, hành vi của các bị cáo Đ, A đã phạm tội “*trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 và hành vi của bị cáo H đã phạm tội “*tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 323 của Bộ Luật hình sự năm 2015.

[4] Do đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn nên cần phân tích, đánh giá vai trò của từng bị cáo để có cơ sở khi quyết định hình phạt.

[4.1] Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ:

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người khởi xướng (*rủ rê bị cáo A*), đồng thời là người thực hành (*cảnh giới cho bị cáo A thực hiện hành vi trộm cắp tài sản*). Trong vụ án này, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bản thân bị cáo là người có đủ năng lực hành vi dân sự, nên khi bị cáo cùng bị cáo A thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh M thì bị cáo phải nhận thức được đó là hành vi vi phạm pháp luật. Nhưng để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân và khi phát hiện sơ hở trong việc quản lý tài sản của người bị hại là anh M để tài sản trong nhà không có người trông coi thì bị cáo đã cảnh giới cho bị cáo A lén lút vào nhà trộm cắp tài sản là chiếc Ipad của anh M. Xét tính chất, mức độ do hành vi và hậu quả mà bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài truy tố bị cáo về tội “*trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4.2] Đối với bị cáo Huỳnh Công A:

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp với vai trò là người thực hành, bản thân bị cáo là người có đủ năng lực hành vi dân sự, nên khi được bị cáo Đ rủ rê đi trộm cắp tài sản, chẳng những bị cáo không can ngăn mà còn tiếp tay với bị cáo Đ thực hiện hành vi trộm cắp. Chính bị cáo là người lợi dụng sơ hở trong việc trông coi tài sản đã trực tiếp lén lút vào nhà trộm chiếc Ipad của anh M. Trước và trong quá trình thực hiện hành vi, lẽ ra thì bị cáo phải nhận thức được đó là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã phạm tội. Hơn nữa, bị cáo là người có nhân thân xấu, cụ thể là : Ngày 08 tháng 11 năm 2011, bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm g, h, p Khoản 1, 2 Điều 46, Điều 69, Điều 74 của Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt 06 tháng tù (*theo Bản án số 47/2011/HSST*). Đã chấp hành xong hình phạt tù tháng 12 tháng 2011 nhưng chưa chấp hành việc đóng án phí hình sự sơ thẩm với số tiền 200.000 đồng, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho mình mà tiếp tục phạm tội. Do đó, lần phạm tội này bị cáo bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “*tái phạm*”. Xét tính chất, mức độ do hành vi và hậu quả mà bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài truy tố bị cáo về tội “*trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 và tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4.3] Đối với bị cáo Phạm Ngọc H:

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, trong quá trình thực hiện tội phạm bị cáo hoàn toàn làm chủ được hành vi của mình, khi biết bị cáo Đ, A đã trộm cắp được tài sản và nhờ bị cáo đi tiêu thụ, chẳng những bị cáo không can ngăn, khuyên để nhằm trả lại tài sản cho người bị hại hoặc đi trình báo với cơ quan chức năng mà còn tiếp tay cho các bị cáo Đ, A trong việc liên hệ và đến nhà anh Trần Minh N để cầm cố tài sản nhằm mục đích lấy tiền cùng nhau tiêu xài. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài truy tố bị cáo H về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”

theo khoản 1 Điều 323 của Bộ Luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; Tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi đã trả lại cho bị hại; Sau khi phạm tội, bị cáo Đ, A đã đến cơ quan công an đầu thú, riêng bị cáo A là lao động chính trong gia đình đã được UBND phường TP, thành phố Đồng Xoài xác nhận theo đơn của bà Hà Thị D (*vợ bị cáo A*) yêu cầu. Do vậy, được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt khi lượng hình.

[6] Đối với anh Trần Minh N, khi bị cáo H mang chiếc Ipad vào cầm cố thì không có anh N ở nhà. Ngoài ra, khi bị cáo H điện thoại cho anh N để cầm cố tài sản thì bị cáo cũng không nói rõ nguồn gốc của chiếc Ipad cho anh N biết nên HĐXX không đặt ra vấn đề để xử lý.

[7] Đối với chị Anh Thị Mỹ O không biết rõ nguồn gốc của chiếc Ipad mà bị cáo H để lại tại nhà của chị nên HĐXX không đề cập xử lý.

[8] Đối với người tên Hải, Bồ hiện chưa rõ nhân thân lai lịch, chưa tiến hành làm việc được để xác định các đối tượng trên có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo hay không. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Xoài tiếp tục xác minh xử lý sau nên HĐXX không đề cập xử lý.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 máy tính bảng (*Ipad*) hiệu Apple đã được thu hồi, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Xoài đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh M. Đồng thời anh M cũng không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không đặt ra vấn đề để xem xét.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1208 màu đen thu giữ của bị cáo Đ; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1030 màu đen thu giữ của bị cáo A, xác định đây là tài sản riêng và không liên quan gì đến vụ án nên cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Sirius mà bị cáo H mượn của đối tượng tên Bồ khi đang ngồi chơi nhà anh Khanh để nhờ bị cáo Đ và A đi đến nhà của một người tên Phương để lấy tiền giúp cho bị cáo H, nhưng bị cáo Đ, A dùng phương tiện này để trộm cắp tài sản. Sau khi thực hiện xong hành vi trộm cắp, các bị cáo đã trả lại xe cho Bồ và hiện nay không rõ Bồ ở đâu nên không có cơ sở để xem xét.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 400.000 đồng mà bị cáo H mượn của chị Anh Thị Mỹ O (*vợ của anh Trần Minh N*) để trả tiền thuê xe trong quá trình không cầm cố tài sản là chiếc Ipad vì không có anh N ở nhà. Chị O không có yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này. Xét thấy đây là thiện chí của chị O nên HĐXX không xem xét.

[11] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh :

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn Đ** (tên gọi khác: Đ Trọc); Bị cáo **Huỳnh Công A** (tên gọi khác: Tý) phạm tội “*trộm cắp tài sản*”.

Tuyên bố bị cáo **Phạm Ngọc H** (tên gọi khác: Tý Bạch) phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

2. Về hình phạt :

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38;50 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Huỳnh Công A **08 (tám)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 04 tháng 9 năm 2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38;50 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ **06 (sáu)** tháng **12 (mười hai)** ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 04 tháng 9 năm 2019.

Tuyên trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38;50 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H **06 (sáu)** tháng **12 (mười hai)** ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 04 tháng 9 năm 2019.

Tuyên trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

3. Về trách nhiệm dân sự: không xem xét

4. Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên trả lại cho Nguyễn Văn Đ 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1208 màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1030 màu đen cho bị cáo Huỳnh Công A.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0001752; Quyển số 0036; Ký hiệu D47/2017 ngày 06 tháng 01 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài).

5. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đồng Xoài;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đồng Xoài;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- CA Thành phố Đồng Xoài;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Văn Phú Vinh